TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/DS-PT.
Ngày: 17/7/2019.
V/v "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.
- *Các Thẩm phán*: Ông Sỹ Danh Đạt.
Ông Ngô Tấn Lợi.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLPT-DS ngày 27/3/2019, về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Huỳnh Văn P, sinh năm: 1947;
Trần Thị K, sinh năm: 1952.

Cùng địa chỉ: Số nhà 16/1, ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của ông P: ông Thái Văn L – sinh năm 1973;

Đại diện theo uỷ quyền của bà K: bà Huỳnh Lệ T – sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số nhà 16A/1, ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn N – Văn phòng luật sư Băng Giang – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 270 Khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- <u>*Bị đơn*</u>: Trần Văn T2, sinh năm 1940;

Địa chỉ: 13/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Quang M1 – sinh năm 1958;

Địa chỉ: 486 Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung – Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2: Luật sư Ngô Việt Bắc – Văn phòng luật sư Sài Gòn Tây Nguyên – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí M1.

Trần Thị H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: 240/2 ấp Tân Phong, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.

Trần Văn B, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 15/2 ấp Định Tân, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Trần Văn B1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 88A/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Trần Văn M1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 13A/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Trần Thị C2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trần Văn H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 13/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Trần Thị Đ, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 13B/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Trần Thị Út E, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 540A ấp Tân Lợi, xã Phong Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Tô M1 Phụng, sinh năm 1969;

Trần Thị C2, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Tô Thị T K, sinh năm 1993;

Tô Thị T N, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung - Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Phụng, bà C2, chị N: Ông Lê Quang M1 – sinh năm 1958;

Địa chỉ: 486 Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung – Đồng Tháp.

Trần Văn H, sinh năm 1973;

Nguyễn Thị T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: 13/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung – Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của Nguyễn Thị T: Ông Trần Văn H – sinh năm 1973;

Địa chỉ: 13/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung – Đồng Tháp.

Trần Thị T2, sinh năm 2001;

Địa chỉ: 13/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung – Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền và theo pháp luật cho Trần Thị Thanh là: ông Trần Văn H, sn 1973.

Địa chỉ: 13/1 ấp Định Mỹ, xã Định Hòa - Lai Vung – Đồng Tháp.

Huỳnh H Việt, sinh năm 1982;

Huỳnh Thị L, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: 486 Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung – Đồng Tháp.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
Địa chỉ: 687 ấp Tân Lợi, xã Tân Thành - Lai Vung - Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn P, bà Trần Thị K và ông Trần Văn T2 là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

(Ông L, bà T, ông M1, ông Trần Văn M1, ông H, chị K có mặt; bà H, ông B, ông B1, bà Đ, bà Út Em, Ngân hàng Nông nghiệp, anh Việt, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2010, khởi kiện bổ sung ngày 14/3/2017, 07/12/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn P, bà Trần Thị K là luật sư Băng Giang trình bày: Ông Huỳnh Văn P có phần đất thuộc thửa 522, 523, 530, 531, 524, 525, 1141 tờ bản đồ số 01, đất thuộc xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Trần Văn T2 có sử dụng đất thuộc thửa 529, 532 và 526 liền kề với đất của ông P. Ranh đất giữa ông P và ông T2, bà Hương giữa thửa 530, 531 với thửa 529, 532 đầu giáp kênh Phó Cửu có trụ cây hai bên thống nhất không tranh chấp, là gốc bình bát chạy thẳng lên đầu đất thành một đường thẳng. Giáp huyện lộ 30/4 ông T2 lấn chiếm qua phần đất của ông P có diện tích theo đo đạc thực tế là 62,9m^2 . Còn ranh đất giữa thửa 524, 525 và 1141 của ông P với thửa 526 của ông T2 thì ông T2 có đào một con mương sát bên phần đất của ông P cách nay trên 20 năm, lúc đào năm nào không nhớ lúc đó ông Bùi Văn Linh còn là chủ sở hữu khi ông P mua đất của ông Linh thì có con mương đó rồi, khi đào con mương ông T2 có đào lấn qua phần đất của ông Linh việc này có ông Linh làm chứng, con mương lúc đào và lúc ông P mua của ông Linh có chiều ngang khoảng 1,5m, chạy dài theo hiện trạng hiện nay.Vào khoảng năm 2000 ông Thái Văn L (con rể ông P) về và có cấm 3 cây gáo ngay mé bờ mương trên phần đất của ông P để chống sạt lỡ, 03 cây gáo này hiện nay ông T2 cho rằng 3 cây gáo mà ông T2 trồng. Qua quá trình sử dụng thì phần đất của ông P bị lở xuống mương và diện tích này hiện nay bên ông T2 đã chiếm sử dụng theo đo đạc thực tế ngày 01/11/2017 là 445m^2 . Nay ông T2, bà Hương đã lấn ranh đất của ông P để trồng cây và cho con gái, rể là Tô M1 Phụng, Trần Thị C2 xây nhà cấp 4 và cất thêm nhà tường, nhà ở và làm những công trình phụ phục vụ gia đình như cất chuồng trại chăn nuôi, bắt cầu ngang kênh vào nhà, làm đường đal vào nhà, trồng cây xung quanh nhà. Nay ông Huỳnh Văn P yêu cầu hộ Trần Văn T2, Nguyễn Thị Hương, bà T2 chết thì người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của bà Hương là Trần Thị H, Trần Văn B, Trần Văn B1, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út Em phải trả cho ông P diện tích lấn chiếm thửa 530, 531 là 62,9m2 và thửa 524, 525 và 1141 là 445m2. Tổng diện tích phải trả là 507,9m2, ông T2, bà Hương phải di dời cây trồng trả đất lại cho ông P, buộc hộ

ông Tô M1 Phụng, Trần Thị C2 cùng các con là Tô Thị T K, Tô Thị T N phải di dời nhà và tất cả các vật dụng, cây trồng, chuồng trại, vật kiến trúc, cầu bắt ngang kênh vào nhà và phá dỡ đường đi bằng đal để trả diện tích đất lại cho ông P.

Ranh đất của thửa đất 529, 532 của ông T2 và thửa 530, 531, 522, 523 của ông P lúc trước năm 1984 khi ông Linh còn là chủ cũ thì ranh giới giữa ông Linh và ông T2 khi ông P về thì đã có con mương ông T2 đào và có hàng gáo như hiện nay. Ranh giữa hai bên là mé bờ mương của ông T2, từ mé mương cách hàng gáo ra xa không xác định được kích thước chứ không có sát hàng gáo như bên bị đơn trình bày, con mương này có chiều ngang khoảng 01m. Khi mua có vài cây gáo và cây trâm ông Linh trồng, còn xoài, mù u và dừa là ông P trồng.

Ông Phụng, bà C2 đào đất đắp lên xây dựng trại vịt ở đó để nuôi vịt vào năm 2005, sau đó ông Phụng, bà C2 xây dựng ngôi nhà cấp 4 năm 2012. Trong thời gian ông Phụng, bà C2 xây cất thì xã, huyện có xuống lập 3 lần Bên bản để tạm ngừng thi công có Bên bản kèm theo vào các ngày 22/5/2012, 29/5/2012 và ngày 30/5/2012.

Đối với thửa 530, 531 đã thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Lai Vung, phòng giao dịch Tân Thành, Lai Vung, Đồng Tháp.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn P là ông Thái Văn L trình bày: Trên phần đất của ông T2 tại thửa 529, 532 và thửa 530, 531 của ông P đang tranh chấp có diện tích 62,9m^2, ông T2 có trồng thêm 12 cây cam dây khoảng 03 năm, 01 bụi chuối sáp ông P, bà K không tranh chấp và không yêu cầu định giá nếu sau này xử đất cho ông T2 thì ông T2 tiếp tục sử dụng, còn đất của ông P thì ông T2 tự động di dời cây và ông P không bồi thường. Ông L thống nhất với lời trình bày của luật sư Băng Giang, ông L không trình bày gì thêm, bên ông P thống nhất với kết quả đo đạc ngày 01/11/2017 và bổ sung ngày 30/10/2018.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Trần Thị K là bà Huỳnh Lệ T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông L và luật sư Băng Giang không trình bày gì thêm.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Trần Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô M1 Phụng, Trần Thị C2, Tô Thị T N là ông Lê Quang M1 trình bày: Nguồn gốc 3 thửa 529, 532 và 526 là đất của ông T2 của cha mẹ ông T2 để lại. Thửa 530, 531 với thửa 529, 532 giáp ranh từ cây bình bát kênh phó cửu chạy cặp theo hàng gáo ranh lên đụng kênh 30/4 là hàng gáo do chủ đất cũ trước là Huỳnh Văn Muôn trồng. Còn bên thửa đất 526 của ông T2 giáp ranh với thửa đất 524, 525 và 1141 của ông P thì có con mương, con mương này ông T2 đào vào tháng 02/1981 âm lịch, bên phần đất của ông T2 có chiều ngang 02m, chạy dài như hiện trạng hiện nay. Trên phần đất này vào năm 1982 ông T2 có cắm 8 gốc gáo để làm ranh nhưng chết 05 cây còn lại 03. Ranh giữa thửa đất 524, 525, 1141 của ông P giáp với thửa 526 của ông T2 từ chổ 03 cây gáo này chạy thẳng ra phía sau hết con

mương đụng ranh đất của ông Trần Văn H con ông Trần Văn T2 đã sử dụng đất riêng.

Trên thửa 526 có ngôi nhà của ông Phụng, bà C2 xây cất giáp với thửa 525. Lúc đầu bà C2 và ông Phụng lên cất trại vịt năm 1991, năm 1995 múc kênh 30/4 để làm lộ (bỏ bên lộ 7 phần đất và phần đất làm đê 03 phần, sau đó bà C2 tH xáng múc bỏ lên thêm để cất ngôi nhà lại rộng lớn ra bằng cây năm 1996.

Ranh đất của thửa đất 529, 532 của ông T2 và thửa 530, 531, 522, 523 của ông P lúc trước năm 1984 khi ông Linh còn là chủ cũ thì ranh giới giữa ông Linh và ông T2, khi ông P về mua đất cất nhà ở thì đã có con mương của ông T2 đào bề ngang khoảng 02m ông T2 đào và có hàng gáo như hiện nay sát mé mương để làm ranh. Chủ đất cũ trồng khoảng 3 cây gáo, 01 cây tràm, 01 trâm bầu, còn ông P khi mua đất ở trồng sau là xoài, dừa và cây gáo ông P trồng năm 2000.

Ngôi nhà cấp 4 mà ông Phụng, bà C2 đang ở là xây dựng năm 2012, cách nền nhà cũ vào khoảng 1m, tức là cách ranh đất của ông P trở vào 2,18m về phía đất ông T2. Lúc xây dựng ngôi nhà của ông Phụng, bà C2 thì ở xã có đến lập Bên bản bên phía ông Phụng, bà C2 có giao kèo nếu khi giải quyết xong nếu ngôi nhà có nằm trên phần đất của ông P thì bên ông Phụng, bà C2 tự động di dời, không yêu cầu bồi thường.

Đối với yêu cầu của ông P bên phía ông T2 không đồng ý vì ông T2 không có lấn ranh đất và đối với ngôi nhà cấp 4 của ông Phụng, bà C2 xây dựng, ông Phụng, bà C2 xây cất trên thửa đất 526 của cha mẹ là ông T2, bà Hương nên không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Đối với 3 thửa 529, 532 và 526 hiện không thế chấp ở đâu.

Phía ông T2 thống nhất với kết quả đo đạt và định giá ngày 18/11/2010, 01/11/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và định giá ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Mãnh trích đo địa chính số 58-2017 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ông T2 không có lấn đất, bên ông P cho rằng ông T2 lấn đất 62,9m^2 là không có cơ sở.

Trên phần đất của ông T2 tại thửa 529, 532 và thửa 530, 531, 522, 523 của ông P đang tranh chấp có diện tích 62,9m^2, ông T2 có trồng thêm 12 cây cam dây khoảng 03 năm tuổi, 01 bụi chuối sáp 01 năm, ông T2, bà Hương không tranh chấp vì ông T2, bà Hương trồng trên đất của ông bà nên không yêu cầu định giá nếu sau này xử đất cho ông T2 thì ông T2 tiếp tục sử dụng, còn đất của ông P thì ông T2 tự động di dời cây và ông bên ông T2 không yêu cầu bồi thường.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Thị Hương đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên và người đại diện theo ủy quyền cho Nguyễn Thị T, đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền cho Trần Thị Thanh là ông Trần Văn H trình bày: Thống nhất

với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông T2, bà C2, ông Phụng là ông Lê Quang M1. Anh H yêu cầu xác định ranh từ gốc bình bát kênh Phó Cửu ngấm lên thành một đường thẳng đụng ranh đất ngang của ông Nam Ái. Thống nhất trên phần đất của ông T2 tại thửa 529, 532 và thửa 530, 531 của ông P đang tranh chấp có diện tích 62,9m^2, ông T2 có trồng thêm 12 cây cam dây khoảng 03 năm, 01 bụi chuối sáp ông T2, bà Hương không tranh chấp vì ông T2, bà Hương trồng trên đất của ông bà nên không yêu cầu định giá nếu sau này xử đất cho ông T2 thì ông T2 tiếp tục sử dụng, còn đất của ông P thì ông T2 tự động di dời cây và ông bên ông T2 không yêu cầu bồi thường. Anh H, chị T, chị T3 thống nhất với kết quả thẩm định bổ sung ngày 30/10/2018.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Thị H là ông Trần Văn B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông M1 đại diện ủy quyền của ông T2,vào năm 1981 tôi có đào con mương bên đất lúa, con mương bề ngang đúng 02 m, khi đào con mương giáp ranh đất với ông 05 Muôn chủ đất cũ quản lý. Khi tôi đào mương đã có sẵn vào năm 1981 thì ông Linh mới về nhận đất của ông ngoại thì ông Linh cho rằng bên phía ông T2 đào hơi qua dòng ranh nhưng vẫn còn nằm trên đất ông T2. Nhưng bên ông T2 và ông Linh có thỏa thuận cho ông Linh được sử dụng chung đường nước.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Thị Hương là ông Trần Văn B1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Quang M1 không trình bày gì thêm.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Thị Hương là ông Trần Văn M1 trình bày: Ông M1 cũng thống nhất vời trình bày của ông Lê Quang M1, ông Trần Văn B, Trần Văn B1, không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tô Thị T K, Trần Thị H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E và đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lai Vung đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị K, chị Huệ, chị Đ, chị Út E không có văn bản trình bày ý kiến hay phản bác gì đối với nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác. Riêng Ngân hàng có ý kiến không yêu cầu gì đối với ông P và ông T2.

Đối với Huỳnh Thị L, Huỳnh H Việt tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thành viên trong hộ của ông Huỳnh Văn P nhưng L và Việt đã cắt hộ khẩu vào năm 2015 để định cư ở Úc và L, Việt có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do vậy, nay xác định hộ ông P nay chỉ gồm có ông P và bà K.

- Tại công văn số: 114/NHNo-KHKD, ngày 24/5/2017 có ý kiến phúc đáp: Hộ ông Huỳnh Văn P có ký kết hợp đồng tín dụng số 6510LAV201703036, ngày 31/7/2017 vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Lai Vung số tiền vay 150.000.000 đồng, tài sản thế chấp là các thửa đất số: 522, 523, 524. Đối với ông Trần Văn T2 có ký kết hợp đồng tín dụng số 6510LAV201009196, ngày 06/12/2010 vay 12.000.000 đồng nhưng

ngày 17/6/2011 Trần Văn T2 đã trả tất cả nợ. Trong vụ án này Ngân hàng không khởi kiện gì đối với ông Trần Văn T2 và ông Huỳnh Văn P.

- Tại Công văn số: 75/UBND- TNMT, ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp có ý kiến phúc đáp cho Tòa án như sau: Các thửa đất của ông Huỳnh Văn P là thửa 530, 531, 525, 1141 cấp lần đầu cho ông P năm 2002, thửa 524 do ông P nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Hữu Lập năm 2002. Thửa đất 529, 532, 526, tờ bản đồ số 01 cấp cho ông Trần Văn T2 năm 1997 do ông T2 đăng ký cấp giấy lần đầu. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất nêu trên chỉ căn cứ vào bản đồ giải thửa 299 nên không có đo đạc thực tế.

Tại công văn số: 153/UBND-TNMT, ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung có ý kiến phúc đáp: Theo sơ đồ tranh chấp đo vẽ ngày 18/11/2010 Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung thì diện tích tranh chấp 62,9m^2 được thể hiện qua các mốc M10, M2, M3, A về M10 thuộc một phần thửa đất số 530, 531, 523, 522 của ông Huỳnh Văn P và thửa 529, 532 của ông Trần Văn T2, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm.

- Tại tờ trình ngày 25/11/2016, 07/11/2017 và tại phiên tòa người làm chứng Bùi Văn Linh khai: Đất ông Linh giáp ranh với đất ông Trần Văn T2. Dòng ranh đất của ông Linh và ông T2 là một đường thẳng từ mé sông lớn đến đầu đất Ông T2 có đào con mương cặp ranh hai đầu ngay, ranh lần ra giữa lấn qua đất ông Linh rất nhiều, ông Linh có nói với ông T2 và ông T2 xin lỗi ông Linh và ông T2 có nói xài chung. Sau đó ông Linh đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất này lại cho ông P. Ông L là chủ đất cũ của đất ông P yêu cầu Tòa án xác định lại ranh đất là một đường thẳng để trả đất lại cho ông P. Khi ông Linh canh tác đất thì tại thửa đất 524, 525, 1141 và thửa 526 không có ai trồng cây gì để làm ranh như bên bị đơn khai. Còn đối với thửa đất thổ và cây lâu năm có hàng gáo và trâm là do của chủ đất bên gia đình ông L trồng bên đất của gia đình ông Linh) sau đó ông Linh về tiếp nhận thì hàng cây gáo này ông L tiếp tục sử dụng. Hàng cây này trên đất ông Linh và ông Linh khẳng định không có cây gáo nào để xác định ranh như bên bị đơn trình bày. Bên đất ruộng thì có con mương ông T2 đào khoảng năm 1983 khi đào bên ông T2 có lấn ra đất ông Linh nhưng ông Linh không xác định bao nhiêu. Ông Linh bán đất cho ông P khoảng cuối năm 1983. Lúc ông Linh còn là chủ đất cũ thì ông T2 và ông Linh không có trồng cây gì để làm ranh. Việc bên ông T2 cho rằng có cắm 8 gốc gáo để làm ranh là không có.

- Tại đơn xin xác nhận nhận làm chứng ngày 04/5/2018 Châu Văn Nữa khai: Năm 2002 đến năm 2007 ông Nữa là chủ ghe có bơm cát cho Trần Văn T2 bơm con mương có chiều ngang 02m, khi bơm cát thì gia đình ông P có ra xem.

- Tại đơn xin xác nhận làm chứng ngày 15/5/2018 người làm chứng Nguyễn Văn Quờn khai: Năm 2000 ông Quờn là chủ bơm ghe cát có bơm cát lấp mương ngang 02, khi bơm cát gia đình ông P có ra xem.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 29/11/2018, Toà án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của hộ ông Huỳnh Văn P, Trần Thị K.

- Buộc hộ Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm:Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K trả cho hộ Huỳnh Văn P và Trần Thị K như sau:

Thửa đất 522, 523, 530, 531 là 62.9m^2 thể hiện tại các mốc M10-M3-M2-M10 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/11/2010.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất 530, 531, 522, 523 cùng tờ bản đồ số 01 của hộ ông Huỳnh Văn P với các thửa đất số 529, 532 cùng tờ bản đồ số 01 của hộ ông Trần Văn T2 là đường thẳng nối từ các mốc M10 đến M3 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/11/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lai Vung (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung).

Thửa đất 524, 525, 1141 là 429,78m^2 thể hiện tại các mốc M3-H-K-Q-S-G-B-M2-M1-A-M4-M3 theo mãnh trích đo địa chính số 58-2018 ngày 30/10/2018.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 524, 525, 1141 cùng tờ bản đồ số 01 của hộ ông P với thửa đất 526 tờ bản đồ số 01 của hộ ông T2 là đường nối từ các mốc M3-H-K-Q-S-G-B đến M2 theo mãnh trích đo địa chính số 58-2018 ngày 30/10/2018, và sơ đồ mốc gởi ngày 30/10/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đất tọa lạc tại ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dở di dời.

Hộ ông T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm:Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út Em) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật dụng, cây trồng, chuồng trại, vật kiến trúc khác lấn qua ranh đất để giao trả đất cho hộ ông P quản lý sử dụng.

2. Bác một phần yêu cầu của hộ ông Huỳnh Văn P về việc yêu cầu hộ ông Tô M1 Phụng, Trần Thị C2, Tô Thị T N, Tô Thị T K tháo dỡ di dời nhà.

Hộ ông T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm:Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị T3, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K được tiếp tục sử dụng diện tích 15,22m^2 thể hiện tại các mốc H-K-Q-S-H theo Mãnh trích đo địa chính số 58-2018 ngày 30/10/2018.

- Buộc ông T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị H (gồm:Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K có nghĩa vụ trả giá trị đất cho hộ ông P, bà K 1.141.500 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tuyên trên thuộc thửa đất số 530, 531, 522, 523, 224, 225, 1141 tờ bản đồ số 01, của Hộ Huỳnh Văn P và thửa 529, 532, 526 của hộ ông Trần Văn T2, địa chỉ thửa đất tại ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mãnh trích đo địa chính số 58 ngày 30/10/2018, sơ đồ tranh chấp ranh đất ngày 18/11/2010, Bên bản thẩm định ngày 21/6/2017,16/8/2017, 01/11/2017, 30/10/2018, và Bên bản định giá ngày 21/6/2017 kèm theo bản án này).

3. Về án phí và chi phí:

+ Hộ ông Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị H (gồm:Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.920.350 đồng.

+ Hoàn trả cho Huỳnh Văn P, Trần Thị K 1.327.550 đồng tiền tạm ứng án phí theo Bên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12579 ngày 04/4/2017 và 313.312 đồng đồng tiền tạm ứng án phí theo Bên lai số 00868 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

+ Hộ ông Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị H (gồm:Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị T3, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Huỳnh Văn P, Trần Thị K 11.238.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm ba mươi T2 ngàn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 12/12/2018, ông Trần Văn T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu xác định ranh giới giữa các thửa 530, 531 của hộ ông P với các thửa 529, 532 của hộ ông T2, cùng tờ bản đồ số 01, là từ mốc M10 đến mốc M2; ranh giới giữa các thửa 524, 525, 1141 của hộ ông P với thửa đất 526 của hộ ông T2, cùng tờ bản đồ số 01, từ mốc M1 đến mốc M4.

- Ngày 14/12/2018, ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu gia đình anh Tô M1 Phụng và bà Lê Trần C2 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 15,22m^2 thuộc một phần thửa đất 524, 525, 1141, cùng tờ bản đồ số 01, không đồng ý việc trả giá trị đối với diện tích đất này như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Anh Thái Văn L là đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn P và chị Huỳnh Lệ T, là đại diện hợp pháp của bà Trần Thị K xác định ông P và bà K tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo theo đơn xin rút kháng cáo của ông P, bà K (kèm theo) và đồng ý bản án sơ thẩm.

- Ông Trần Văn T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát Bểu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông P, bà K; bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị K, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Thái Văn L là đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn P và chị Huỳnh Lệ T, là đại diện hợp pháp của bà Trần Thị K trình bày và xác định ông P và bà K đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo theo đơn xin rút kháng cáo mà ông P, bà K đã nộp và đồng ý bản án sơ thẩm. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo của ông P, bà K là phù hợp pháp luật tố tụng dân sự, là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông P và bà K theo quy định tại khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất của hai bên đương sự, thì các bên đương sự đều thừa nhận và trình bày thống nhất phần đất của hộ ông P, gồm các thửa 522, 523, 530, 531, 524, 525, 1141 cùng tờ bản đồ số 01 được do ông P đăng ký cấp quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2002, trong đó các thửa 524, 525, 1141 là nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Linh vào năm 2002, còn các thửa đất còn lại 522, 523, 530 và 531 là nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Muôn từ lâu.

Còn các thửa đất của hộ ông T2 gồm các thửa 529, 532, 526 và 527 cùng tờ bản đồ số 01 là của cha mẹ ông T2 để lại; khi cấp quyền sử dụng đất các thửa đất trên đối với cả hai bên thì đều không có đo đạc, xác định mốc giới cụ thể đối với nhau.

Đối với đoạn ranh tranh chấp giữa các thửa 530, 531, 522, 523 của hộ ông P với các thửa số 529, 532 của hộ ông T2, diện tích tranh chấp là 62,9m^2 thì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm lần thứ nhất và lần thứ hai, phía bị đơn đều thừa nhận hàng gáo, dừa, trâm bầu,... trên phần đất tranh chấp diện tích 62,9m^2 là do chủ đất cũ của ông P là ông Huỳnh Văn Muôn trồng từ lâu đời, từ trước khi chuyển nhượng lại cho ông P, được trồng theo ranh đất và toàn bộ trên đất của ông Muôn; sau đó, gia đình ông P cũng có trồng thêm một số cây như hiện nay thì phía hộ ông T2 vẫn đồng ý và không có ý kiến gì. Do đó, nếu theo xác định ranh của ông T2, là từ mốc M10-M2 (theo sơ đồ đo đạc ngày 18/11/2010) thì tất cả các cây trồng nói trên đều nằm về phần đất của ông T2 là không hợp lý, trong khi yêu cầu xác định ranh đất của phía ông P, là từ mốc M10 đến mốc M3 thì phù hợp với hàng gáo ranh nói trên. Mặt khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 530, 531, 522, 523 của hộ ông P được cấp thì tổng diện tích là 2.710m^2 nhưng theo đo đạc thực tế diện tích là 2.411,4m^2 , chênh lệch thiếu là 298,6m^2; đối với các thửa đất 529, 532 ông T2 được cấp là 1,878m^2 nhưng theo đo đạc thực tế là 2.185,7m^2, là chênh lệch thừa 307,7m^2, nên việc ông P, bà K xác định ranh giới quyền sử dụng đất từ mốc M10 đến mốc M3 là phù hợp, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P, bà K ở đoạn tranh chấp này là có căn cứ.

Đối với đoạn tranh chấp giữa các thửa 524, 525, 1141 của hộ ông P với các thửa số 526, 527 của hộ ông T2, diện tích tranh chấp là 445m^2 thì trên hiện trạng đất, ranh giới theo ông P xác định từ phía hậu đất trở ra là tương đối dọc theo giữa con mương nước, đầu ngoài cắt vào một phần căn nhà của con ông T2 là anh Phụng, chị C2 với hiện trạng là xây chồm ra và lắp con mương cho đến giáp con lộ đất (giáp thủy lợi), một phần chân cầu của anh Phụng xây dựng để qua kênh thủy lợi. Phía ông T2 xác định ranh giới thì theo hiện trạng là qua đến lòng ruộng lúa thửa 1141 của ông P, tức là bao gồm cả phần bờ đê ruộng của hộ ông P và một phần con mương. Ngoài trên diện tích đất tranh chấp ranh còn có 03 cây gáo.

Xét thấy, đối với 03 cây gáo trên đất tranh chấp thì cả hai bên đương sự đều cho rằng do bên mình trồng. Phía ông T2 cho rằng là do ông trồng vào năm 1982 và nay ông căn cứ vào 03 cây gáo này để xác định ranh giới đất giữa hai bên. Tuy nhiên, căn cứ vào Bên bản giải quyết ngày 09/6/2016 của UBND xã Định Hòa, huyện Lai Vung có nội dung giải quyết tranh chấp của ông P về việc hộ bà C2 tự ý chặt, mé nhánh các tượt gáo của hộ ông P khi chưa được đồng ý của hộ ông P. Vì vậy, không căn cứ để xác định 03 cây gáo này là do gia đình ông T2 trồng. Ngoài ra, theo ranh giới ông T2 xác định thì phần lớn đã nằm trên phần lòng ruộng lúa của hộ ông P. Do đó, việc ông T2 yêu cầu xác định ranh

giới căn cứ theo 03 cây gáo như nói trên là không phù hợp. Đối với quyền sở hữu 03 cây gáo thì do các bên không có yêu cầu tranh chấp, xác định nên Tòa án cấp sơ thẩm cũng không giải quyết, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Đối với yêu cầu xác định ranh giới của ông P, bà K là tương đối ở giữa và dọc theo con mương nước giữa hai bên, thì chũ đất cũ của ông P xác định trước đây khi ông T2 đào con mương này đã đào lấn sang phần đất của ông; chiều ngang lấn qua bao nhiêu thì không xác định được; ông phản đối thì ông T2 đề nghị được dùng làm mương chung; những nội dung này phía bị đơn cũng thừa nhận. Ngoài ra, phía bị đơn còn trình bày con mương này trong thời gian sử dụng thì đã bị sạt lỡ về cả hai bên. Mặt khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 524, 525, 1141 hộ ông P được cấp thì tổng diện tích là 8.105m^2 nhưng đo đạc thực tế là 5052m^2 chênh lệch thiếu 3.053m^2; đối với thửa 526 ông T2 được cấp là 2110m^2 đo đạc thực tế là 2072m^2 , chênh lệch thiếu là 38m^2, nên yêu cầu yêu cầu xác định của ông P, bà K, là từ mốc M3 đến mốc M2, là theo hiện trạng tương đối giữa con mương là có cơ sở.

Đối với vị trí có căn nhà của anh Phụng và chị C2 và một phần chân cây cầy xi-măng bắt qua thủy lợi của anh Phụng xây, thì xét thấy, căn nhà này có vị trí chồm qua con mương ở phía sau nhà và lấp con mương ở phía trước nhà; phía anh Phụng cũng thừa nhận căn nhà này được vợ chồng anh xây dựng ngay phía sau theo vị trí căn nhà cũ trước đây và xây sau khi Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, đã tuyên buộc anh phải tháo dỡ, di dời căn nhà cũ, cũng như đồng thời xây cây cầu, làm đường đal vào nhà và trồng một số cây xung quanh; phía ông T2 và anh Phụng cũng xác định ranh đất giữa hai bên là ranh thẳng. Vì vậy, cũng có cơ sở để xác định các kiến trúc và cây trồng trên, anh Phụng xây dựng và trồng lấn qua ranh đất.

Do đó, yêu cầu xác định ranh đất của ông P, bà K theo mốc M2 đến mốc M3 là có căn cứ.

Đối với căn nhà của anh Phụng, chị C2 hiện trạng là nhà cấp bốn, kiên cố; phần diện tích lấn chiếm không lớn, chỉ là 15,22m^2 và phần lấn chiếm là toàn bộ phần vách tường nhà chạy theo chiều dài của căn nhà, do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử giữ nguyên hiện trạng căn nhà của anh Phụng, chị C2, giao cho ông T2 được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất lấn chiếm 15,22m^2 nhưng phải trả giá trị đất cho ông P, bà K là phù hợp. Mặt khác, nay ông P, bà K cũng rút kháng cáo đối với phần này. Còn đối với chuồng chó và một phần chân cây cầu của anh Phụng xây dựng thì xét thấy các kiến trúc này không quan trọng và thiết yếu cho sinh hoạt gia đình anh Phụng, chị C2; các kiến trúc đó không thuộc trường hợp là nhà kiên cố và có thể di dời hoặc tháo dỡ một phần hiện trạng mà không làm thiệt hại nhiều, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc hộ anh Phụng, chị C2 phải tháo dỡ, di dời, một phần chuồng chó và một phần chân cầu là phù hợp.

Tuy nhiên, đối với đoạn tranh chấp này, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên phần diện tích đất tranh chấp mà phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn là thể hiện tại các mốc M3-H-K-Q-S-G-B-M2-M1-A-M4-M3 theo Mãnh trích đo địa chính số 58-2018 ngày 30/10/2018, nhưng căn cứ vào hai sơ đồ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung cung cấp thì chỉ có sơ đồ mốc là có thể hiện mốc G, còn sơ đồ hiện trạng thì không có thể hiện, như vậy là không thống nhất nhau và ảnh hưởng đến việc thi hành án. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy mốc G chỉ là điểm nằm trên đoạn thẳng nối từ mốc S đến mốc B nên không cần thiết phải tuyên bao gồm cả mốc G nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa bản án với các sơ đồ đo đạc và giữa các sơ đồ đo đạc với nhau, nên Hội đồng xét xử sửa cách tuyên về phần này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông T2 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng M1 cho lời trình bày cũng như yêu cầu kháng cáo của ông T2 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T2.

Đối với Huỳnh Thị L, Huỳnh H Việt tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thành viên trong hộ của ông Huỳnh Văn P nhưng L và Việt đã cắt hộ khẩu vào năm 2015 để định cư ở Úc và L, Việt có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do vậy, nay xác định hộ ông P nay chỉ gồm có ông P và bà K.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P và đồng ý với bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2 trình bày nguồn gốc đất của phía ông P là của ông Muôn để lại cho ông Linh và sau đó ông Linh chuyển nhượng cho ông P; con mương tại vị trí tranh chấp ranh là do phía ông T2 đào và nằm trên đất của ông T2, nên ông P yêu cầu xác định ranh giới giữa con mương là không có căn cứ và Tòa án chấp nhận yêu cầu này của ông P là không phù hợp. Ngoài ra, trong trường hợp Tòa án chấp nhận ranh giới theo yêu cầu của ông P thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tuyên không phải tháo dỡ một phần chân cầu của anh Phụng, như đối với căn nhà của anh Phụng để tạo điều kiện sinh hoạt, cuộc sống của anh Phụng cũng như gia đình ông T2. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày cũng như đề nghị và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2 như trên là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát Bểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm

đối với kháng cáo của ông P, bà K, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T2 không được chấp nhận và Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T2 phải chịu án phí phúc thẩm. Ông P, bà K rút kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm nên ông P, bà K phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 và khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 175, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị K.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T2.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Văn P, Trần Thị K.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất 530, 531, 522, 523 cùng tờ bản đồ số 01 của hộ ông Huỳnh Văn P với các thửa đất số 529, 532 cùng tờ bản đồ số 01 của hộ ông Trần Văn T2 là đoạn thẳng nối từ mốc M10 đến mốc M3.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 524, 525, 1141 cùng tờ bản đồ số 01 của hộ ông Huỳnh Văn P với thửa đất 526 tờ bản đồ số 01 của hộ ông Trần Văn T2 là các đoạn thẳng nối từ các mốc M3-H-K-Q-S-B đến M2.

- Ranh giới được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính lòng đất đến không gian. Tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật.

(kèm theo các Bên bản thẩm định ngày 18/11/2010, 21/6/2017, 16/8/2017, 01/11/2017, 30/10/2018 và sơ đồ đo đạc ngày 18/11/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lai Vung - nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung; Mãnh trích đo địa chính số 58-2018 ngày

30/10/2018 và sơ đồ mốc gởi ngày 30/10/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp).

2/. Bác yêu cầu của ông Huỳnh Văn P, bà Trần Thị K về việc yêu cầu hộ ông Tô M1 Phụng, Trần Thị C2. Tô Thị T N, Tô Thị T K phải tháo dỡ, di dời một phần căn nhà.

- Ông Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm: Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út Em) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K được tiếp tục sử dụng diện tích 15,22m^2 thể hiện tại các mốc H-K-Q-S-H theo các Bên bản thẩm định ngày 21/6/2017, 30/10/2018 và Mãnh trích đo địa chính số 58-2018 ngày 30/10/2018.

- Buộc ông Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm: Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út Em) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K có nghĩa vụ trả giá trị đất cho hộ ông P, bà K 1.141.500 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo ranh giới đã được xác định như trên.

4/. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm: Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út Em) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K phải liên đới chịu 1.920.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị K 1.327.550 đồng tiền tạm ứng án phí theo Bên lai số 12579 ngày 04/4/2017 và 313.312 đồng tiền tạm ứng án phí theo Bên lai số 00868 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5/. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Bên lai số

0002605 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Ông P, bà K đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Ông Trần Văn T2 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Bên lai số 0002593 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Ông T2 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

6/. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá: Ông Trần Văn T2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị Hương (gồm: Trần Văn T2, Trần Thị H, Trần Văn B1, Trần Văn B, Trần Văn M1, Trần Thị C2, Trần Văn H, Trần Thị Đ, Trần Thị Út E) và chị Nguyễn Thị T, Trần Thị Thanh, bà Trần Thị C2, anh Tô M1 Phụng, Tô Thị T N, Tô Thị T K có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị K 11.238.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy